

**UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS ÂU LẠC**

ĐỀ THAM KHẢO

**ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN TOÁN – LỚP 6**

Thời gian làm bài: **90 phút**
(không kể thời gian phát đề)

Bài 1 (2,25 điểm) Thực hiện phép tính sau:

a) $24 - 70 + (-24)$

b) $3^2 \cdot 51 + 3^2 \cdot 7^2 - 400$

c) $600 : \left\{ 2 \cdot \left[50 + (37 - 27)^2 \right] \right\}$

Bài 2: (2 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $2x + 31 = 17$

b) $52 - 3 \cdot (x + 4) = 10$

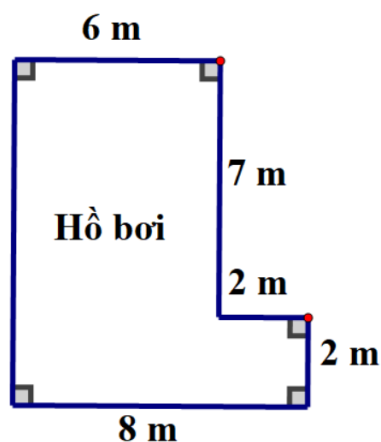
c) $13 + 3^{x+1} = 94$

d) $24 \nmid x$ và $x > 6$

Bài 3: (1,0 điểm) Vẽ tam giác đều MNP có $NP = 5$ cm. Tính độ dài cạnh MN, MP.

Bài 4: (1,5 điểm)

Tính chu vi và diện tích của hồ bơi có kích thước như hình vẽ sau:



Bài 5: (1 điểm) Mẹ bạn Lan mang 300 000 đồng vào siêu thị mua 5 kg gạo, 2 kg rau cải và 3 kg quả cam. Biết giá mỗi ki-lo-gam gạo là 25 000 đồng, mỗi ki-lo-gam rau cải là 30 000 đồng và mỗi ki-lo-gam quả cam là 18 000 đồng. Hỏi sau khi mua xong, mẹ bạn Lan còn lại bao nhiêu tiền?

Bài 6: (1 điểm) Số học sinh khối 6 của một trường THCS khi xếp hàng 12 hoặc 15 hoặc 18 thì đều vừa đủ không thừa học sinh nào. Tính số học sinh khối 6 của trường, biết số này lớn hơn 800 và có ba chữ số?

Bài 7: (1 điểm) Bảng thống kê điểm môn Toán của học sinh lớp 6A như sau:

Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3
Số học sinh	4	5	3	5	4	5	3	1

Hãy cho biết:

- Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?
- Số học sinh có điểm dưới 5 là bao nhiêu?

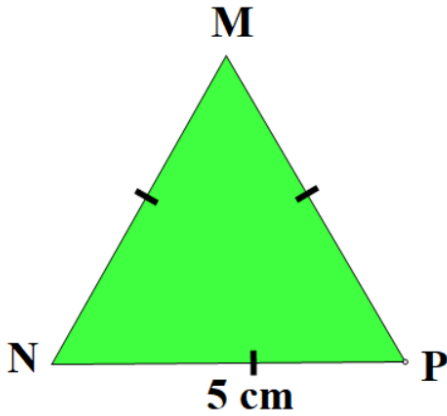
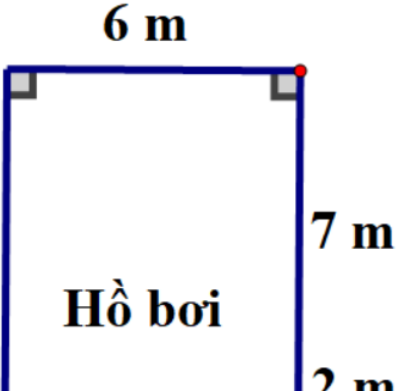
Bài 8: (0,25 điểm) Cho $M = 3^0 + 3^1 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{2023}$. Chứng minh rằng: M là bội của 20.

----Hết----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I TOÁN LỚP 6

BÀI	NỘI DUNG	ĐIỂM
Bài 1	a) $24 - 70 + (-24)$ $= 24 + (-24) - 70$ $= 0 - 70$ $= -70$	0.75

	$\begin{aligned} & \text{b) } 3^2 \cdot 51 + 3^2 \cdot 7^2 - 400 \\ & = 9 \cdot 51 + 9 \cdot 49 - 400 \\ & = 9 \cdot (51 + 49) - 400 \\ & = 9 \cdot 100 - 400 \\ & = 900 - 400 \\ & = 500 \end{aligned}$	0.75
	$\begin{aligned} & \text{c) } 600 : \left\{ 2 \cdot \left[50 + (37 - 27)^2 \right] \right\} \\ & = 600 : \left\{ 2 \cdot \left[50 + 10^2 \right] \right\} \\ & = 600 : \left\{ 2 \cdot \left[50 + 100 \right] \right\} \\ & = 600 : \{ 2 \cdot 150 \} \\ & = 600 : 300 \\ & = 2 \end{aligned}$	0.75
Bài 2	$\begin{aligned} & \text{a) } 2x + 31 = 17 \\ & 2x = 17 - 31 \\ & 2x = -14 \\ & x = -14 : 2 \\ & x = -7 \end{aligned}$	0.5
	$\begin{aligned} & \text{b) } 52 - 3 \cdot (x + 4) = 10 \\ & 3 \cdot (x + 4) = 52 - 10 \\ & 3 \cdot (x + 4) = 42 \\ & (x + 4) = 42 : 3 \\ & x + 4 = 14 \\ & x = 14 - 4 \\ & x = 10 \end{aligned}$	0.5

	$c) 13 + 3^{x+1} = 94$ $3^{x+1} = 94 - 13$ $3^{x+1} = 81$ $3^{x+1} = 3^4$ $x + 1 = 4$ $x = 3$	0.5
	d) $24 \nmid x$ và $x > 6$ $\Rightarrow x \in U'(24) = \{1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24\} \text{ và } x > 6$ $\Rightarrow x \in \{8; 12; 24\}$	0.5
Bài 3	 $MN = MP = 5 \text{ (cm)}$	1
Bài 4		0,25

	Chu vi của hồ bơi là $6+7+2+2+8+(2+7)= 34 \text{ (m)}$ Diện tích của hồ bơi là $(6.9)+(2.2)= 58 \text{ (} m^2 \text{)}$	0,75																		
Bài 5	Số tiền mẹ bạn Lan đã mua là $5.25\ 000 + 2. 30\ 000 +3.18\ 000= 239\ 000 \text{ (đồng)}$ Số tiền mẹ bạn Lan còn là $300\ 000 - 239\ 000 = 61\ 000 \text{ (đồng)}$	1																		
Bài 6	Gọi số học sinh khối 6 cần tìm là x (học sinh) ($x \in \mathbb{N}^*$) Theo đề bài, ta có $x \equiv 12; x \equiv 15; x \equiv 18$ và $x > 800$;x có 3 chữ số $\Rightarrow x \in BC(12;15;18)$ và $x > 800$;x có 3 chữ số $12 = 2^2 . 3$ $15 = 3 . 5$ $18 = 3^2 . 2$ $BCNN (20 ; 45) = 2^2 . 3^2 . 5 = 180$ $\Rightarrow x \in BC(12;15;18) = B(180) = \{0;180;360;540;720;900;1080;....\}$ mà $x > 800$;x có 3 chữ số $\Rightarrow x = 900 \text{ (học sinh)}$ Vậy số học sinh khối 6 cần tìm là 900 (học sinh)	1																		
Bài 7	<table border="1"><tr><td>Điểm</td><td>10</td><td>9</td><td>8</td><td>7</td><td>6</td><td>5</td><td>4</td><td>3</td></tr><tr><td>Số học sinh</td><td>4</td><td>5</td><td>3</td><td>5</td><td>4</td><td>5</td><td>3</td><td>1</td></tr></table> a) Số học sinh của lớp 6A là $4+5+3+5+4+5+3+1= 30 \text{ (học sinh)}$	Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	Số học sinh	4	5	3	5	4	5	3	1	1
Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3												
Số học sinh	4	5	3	5	4	5	3	1												

	b) Số học sinh có điểm dưới 5 là $3 + 1 = 4$ (học sinh)	
Bài 8	$M = 3^0 + 3^1 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{2020} + 3^{2021} + 3^{2022} + 3^{2023}$ $M = (3^0 + 3^1 + 3^2 + 3^3) + \dots + (3^{2020} + 3^{2021} + 3^{2022} + 3^{2023})$ $M = 40 + \dots + 3^{2020} \cdot (3^0 + 3 + 3^2 + 3^3)$ $M = 40 + \dots + 3^{2020} \cdot 40$ $M = 40 \cdot (1 + \dots + 3^{2020}) \cdot 20$ Vậy M là bội của 20.	0.25

MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KÌ I - KHỐI 6

Tên Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1. Thực hiện phép tính	Biết thực hiện các phép tính cộng, trừ số nguyên đơn giản	Biết thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân chia, lũy thừa, phân phối	Biết thực hiện đúng thứ tự thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân chia, lũy thừa, ngoặc.		
Số câu : Số điểm: Tỷ lệ %	1 (1a) 0,75đ	1 (1b) 0,75đ	1(c) 0,75đ		3 2,25đ đ =22,5%
2 . Tìm x	Biết tìm ước và bội đơn giản	Biết vận dụng các phép toán cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số nguyên để tìm x.	Biết vận dụng thứ tự thực hiện phép tính và lũy thừa để tìm x.		
Số câu : Số điểm: Tỷ lệ %	1(2d) 0,5 đ	2(2a,2b) 1đ	1(2c) 0,5đ		3 2 đ = 20%

3. Hình học	Biết vẽ hình và nhận biết các đoạn thẳng bằng nhau	Biết cách tính chu vi một hình	Biết vận dụng tổng hợp để tính diện tích một hình		
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ %	2(3a,b) <i>1đ</i>	1(4a) <i>0,5đ</i>	1(4b) <i>1đ</i>		4 <i>2,5 đ = 25%</i>
4. Toán thực tế		Vận dụng các kiến thức liên quan để giải bài toán.	Vận dụng BC để giải bài toán.		
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ %		1(5) <i>1đ</i>	1 (6) <i>1đ</i>		3 <i>2đ =20%</i>
5. Thống kê	<i>Nhìn bảng và trả lời câu hỏi</i>				
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ %	2(7a,b) <i>1đ</i>				2 <i>1đ =10%</i>
5. Toán nâng cao				Vận dụng tính chất chia hết và	

				bội, ước để giải bài toán	
Số câu: Số điểm: Tỷ lệ %				<i>1(8)</i> <i>0,25đ</i>	1 0,25đ = 2,5%
<i>Tổng số câu</i> <i>Tổng số điểm</i> <i>Tỷ lệ %</i>	6 3,25đ =32,5%	4 3,25đ =32,5%	5 3,5đ = 35%		14 10đ = 100%